BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT THU HỒI
THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỈNH LỘ 298 (TỪ ĐÌNH NẺO ĐI VIỆT YÊN, ĐOẠN QUA XÃ LIÊN SƠN), HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG (ĐỐI VỚI ĐẤT Ở)

(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-UBND ngày ……. / 9 /2022 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng	Địa chỉ	Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Thông tin thửa đất theo GCN, HS ĐC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
			Số Tờ	Số thửa	DT thửa (m2)	Số Tờ	Số thửa	DT được giao		Đất ở	Đất CLN	Tổng DT thu hồi	
1	Nguyễn Thị Kín	Thôn Chung	57	312	2.082,1	22	3820	2200	CLN		120,6	120,6	Đất vườn (đất CLN) trong cùng thửa đất ở
Tổng										**0,0**	**120,6**	**120,6**	

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỈNH 298 (TỪ ĐÌNH NẺO ĐI VIỆT YÊN, ĐOẠN QUA XÃ LIÊN SƠN -ĐỢT 2) HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... / 9 /2022 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo TĐĐC				Thông tin thửa đất theo GCN, SĐC			Diện tích thu hồi (m2)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân		
		Số TĐ	Số thửa	DT thửa (m2)	Loại đất	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích cấp	Tổng DT thu hồi (m2)	Đất ở (m2)	Đất CLN (Đất vườn trong cùng thửa đất ở)	Bồi thường về đất ở (11.000.000đ/m2)	Bồi thường đất vườn trong cùng thửa đất ở (5.5000.000đ/m2)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ (đồng)
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	17
1	Nguyễn Thị Kín	57	312	2082	CLN	22	382	2200,0	120,6		120,6	0	663.300.000	663.300.000
Tổng				**2082,1**					**120,6**	**0,0**	**120,6**	**0,0**	**663.300.000,0**	**663.300.000,0**

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỈNH 298 (TỪ ĐÌNH NẺO ĐI VIỆT YÊN, ĐOẠN QUA XÃ LIÊN SƠN - ĐỢT 2), HUYỆN TÂN YÊN (ĐỐI VỚI PHẦN TÀI SẢN)

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... / 9 /2022 của UBND huyện Tân Yên)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐ ĐC			Diện tích thu hồi (m2)	Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỉ lệ bồi thường (%)	Kinh phí bồi thường (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường (đồng)
		Số TĐ	Số thửa	DT thửa (m2)								
1	Nguyễn Thị Kín	57	312	2.082,1	120,6	Cổng sắt: khung làm bằng (ống kẽm,sắt góc,sắt hộp,..) phần dưới bịt tôn, phần trên chấn song bằng sắt tròn,hoa sắt,…	đ/m2	7	1.030.000	80	5.768.000	32.392.600
						Trụ cổng xây gạch chỉ dày >330 mm	đ/m3	1,75	1.320.000	80	1.848.000	
						Mái lợp tôn cổng	đ/m2	10,25	335.000	80	2.747.000	
						Mái tôn lán 2,6m x15m	đ/m2	39	335.000	80	10.452.000	
						Sân bê tông gạch vỡ, láng vữa xi măng cát mác 150	đ/m2	120,6	120.000	80	11.577.600	
	Tổng										**32.392.600**	**32.392.600**

Áp giá theo Công văn số 1734/SXD-KT&VLXD ngày 30/6/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ ngày 01/7/2022.